

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI LIỀN SƠN**

**KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-
2025 CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI LIỀN SƠN**

VĨNH PHÚC, NĂM 2021

ÚY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN

Số: 284/KH-TLLS

V/v hoàn thiện: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Liền Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc

Thực hiện Văn bản số 558/SKHĐT-TTNC, ngày 04/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc “V/v hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025”.

Trên cơ sở Kế hoạch số 190/KH-UBND, ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “Thực hiện bàn giao thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”. Công ty đã thực hiện bàn giao xong thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng cho các địa phương, từ đó xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tiễn hệ thống công trình công trình thủy lợi Liền Sơn quản lý, khai thác.

(chi tiết kế hoạch SXKD và DTPT 05 năm giai đoạn 2021-2025 kèm theo)

Công ty trân trọng báo cáo sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt./. 26

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lưu: VT, KH.



Lê Đình Đăng

Số: 284 /KH-TLLS

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM
GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

1.1. Việc thành lập:

Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liễn Sơn thành lập ngày (26/02/1971) tiền thân từ Ban quản trị nông giang. Tháng 12/1992 UBND tỉnh quyết định chuyển Công ty thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích trực thuộc sở Thủy lợi Vĩnh Phú là doanh nghiệp hạng II, năm 2007 Công ty được xếp doanh nghiệp hạng I, tháng 2/2009 thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính Phủ và kế hoạch của UBND tỉnh về sáp xếp chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Công ty chuyển thành Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liễn Sơn (từ ngày 15/4/2009 đến nay), là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

1.2. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ tại thời điểm doanh nghiệp được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV thủy lợi Liễn Sơn là 166,081 tỷ đồng;

- Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty: hàng năm được Nhà nước đầu tư xây dựng mới hoặc được nâng cấp sửa chữa, nên vốn điều lệ tăng dần;

- Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là 1.650,995 tỷ đồng

1.3. Các sự kiện khác:

+ Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển phục vụ sản xuất nông nghiệp, Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT, sự phối hợp, giúp đỡ của các sở, ngành và chính quyền địa phương trong tỉnh, Công ty đã không ngừng phát triển và khẳng định vai trò chủ động trong việc cung cấp nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác của tỉnh. Từ khi ra đời và đi vào hoạt động, ban đầu gặp nhiều khó khăn, qua quá trình xây dựng và phát triển trong điều kiện biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết bất thường trong những năm gần đây, nhưng các thế hệ cán bộ, công nhân viên chức và người lao động trong Công ty đã luôn đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao năng xuất cây trồng, xóa đói giảm nghèo, hoàn thành các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh đề ra. Với kết quả đạt được Công ty đã được Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân



chương lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất; bằng khen, cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ và nhiều bằng khen của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ Nông nghiệp & PTNT và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Công ty được bình chọn là doanh nghiệp vì người lao động và vì nông dân, đặc biệt năm 2015 Công ty là một trong 100 doanh nghiệp của cả nước được Bộ Nông nghiệp và PTNT vinh danh doanh nghiệp vì nhà nông lần thứ I năm 2015; năm 2016 Công ty là một trong những doanh nghiệp được vinh danh trong chương trình “tự hào doanh nhân văn hóa Việt Nam” do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam tổ chức.

2. Quá trình phát triển

2.1. Chức năng, nhiệm vụ:

+ Quản lý, bảo vệ, khai thác hệ thống công trình thuỷ lợi trong phạm vi hệ thống thuỷ nông Liễn Sơn được tinh giao. Xây dựng các quy trình vận hành công trình, thực hiện theo quy trình được duyệt. Hàng năm lập kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mở rộng các công trình thuỷ lợi;

+ Điều tra, theo dõi, tổng hợp, quan trắc thu thập các số liệu về khí tượng thuỷ văn, chất lượng nước; tình hình hạn hán, úng lụt, theo dõi mọi diễn biến của các công trình thuỷ lợi trong hệ thống để phát hiện sự khác biệt giữa hoạt động thực tế so với thiết kế ban đầu, để đề xuất kịp thời các biện pháp xử lý trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Phối hợp

với các ngành quản lý quy hoạch nguồn nước, quản lý môi sinh, môi trường nước và đảm bảo nguồn nước để tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế khác;

+ Thi công xây dựng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, tư vấn khảo sát, thiết kế và giám sát thi công các công trình xây dựng;

+ Tổ chức kinh doanh dịch vụ theo ngành nghề đã được đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được UBND tỉnh giao.

2.2. Mục tiêu kinh doanh:

+ Công ty TNHH một thành viên thuỷ lợi Liễn Sơn với nhiệm vụ được giao tưới tiêu phục vụ cho gần 80 nghìn ha đất sản xuất nông nghiệp, tiêu nông thôn đô thị và cấp nước cho nuôi trồng thuỷ sản của 7 huyện, thành phố trong tỉnh. Ngoài ra còn tưới tiêu nước cho vùng Mê Linh, TP Hà Nội và phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì - Phú Thọ;

+ Mở rộng sản xuất kinh doanh theo hướng đa ngành nghề để đảm bảo ổn định đời sống CBCNV-LĐ;

+ Áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào quản lý, vận hành hệ thống thuỷ lợi Liễn Sơn;

+ Quản lý khai thác tốt hệ thống công trình thuỷ lợi.

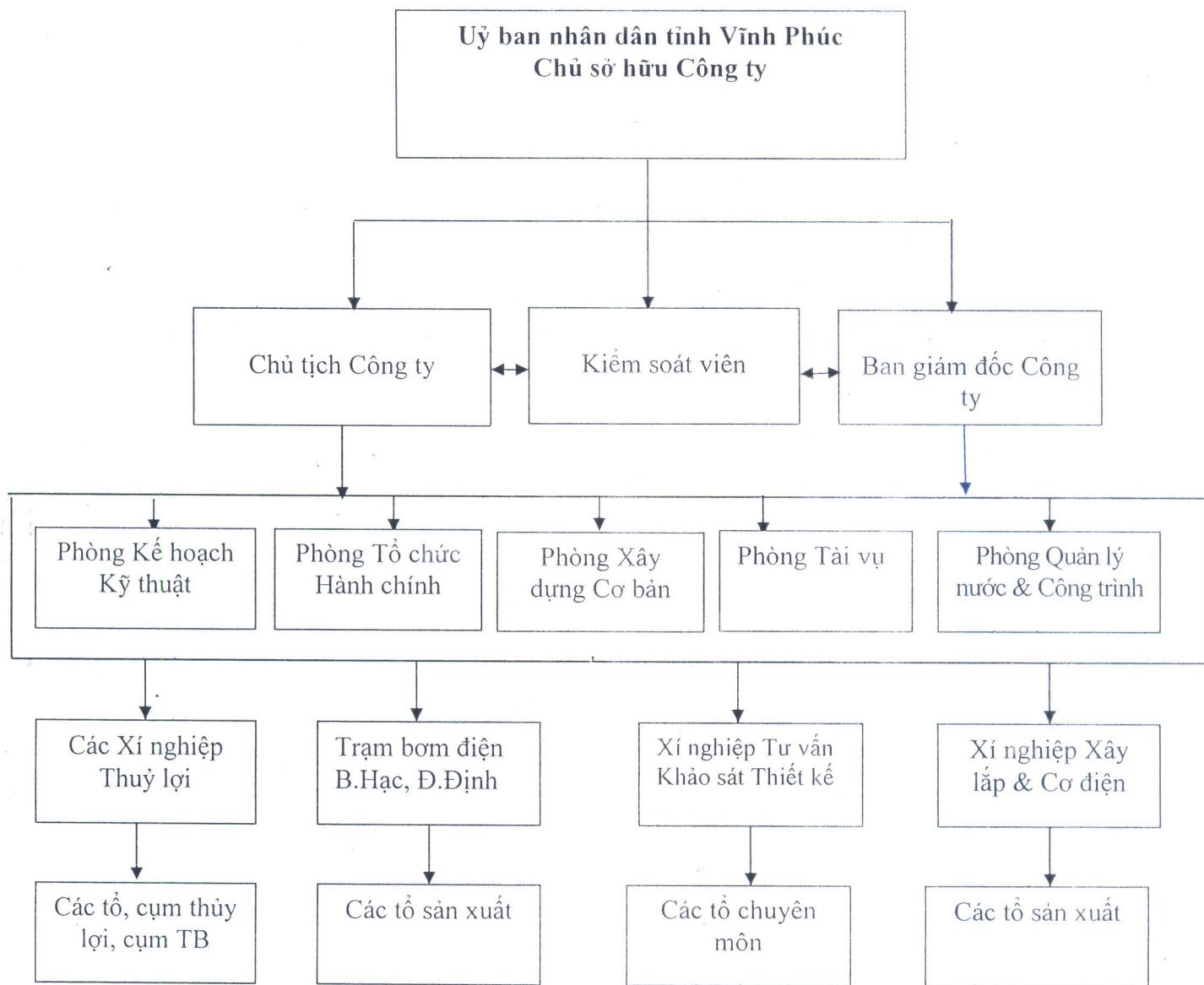
2.3. Ngành, nghề kinh doanh chính:

- + Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thuỷ sản, cung cấp nước sạch cho dân sinh và các ngành kinh tế khác;
- + Tiêu nước (thải, mưa) cho dân sinh, công nghiệp và các ngành kinh tế khác;
- + Xây dựng các công trình: Xây dựng, thuỷ lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thuỷ sản, đường điện hạ thế và nước sạch nông thôn;
- + Xây dựng, lắp đặt và sửa chữa các máy móc thiết bị cơ điện, điện dân dụng;
- + Nạo vét bùn, san lấp nền bằng tàu hút bùn, khoan phut vữa, gia cố nền móng công trình đập đất, đập bê tông;
- + Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập quy hoạch, lập báo cáo đầu tư, lập dự án, lập dự toán các công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, nước sạch nông thôn, giao thông, xây dựng;
- + Tư vấn giám sát thi công xây dựng các công trình thuộc ngành nông nghiệp & phát triển nông thôn, các công trình giao thông, xây dựng;
- + Tư vấn đấu thầu các công trình xây dựng;
- + Thẩm định dự án, đồ án dự toán các công trình thuộc ngành Nông nghiệp & PTNT;
- + Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- + Mua bán vật tư, đồ điện và máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;
- + Dịch vụ tổng hợp nuôi trồng thuỷ sản, nhà hàng, ăn uống, khách sạn, du lịch, vận tải;

3. Tổ chức bộ máy, lao động:

- 3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty: (tính đến ngày 10/3/2021)
- Ban Lãnh đạo Công ty gồm: 05 người
 - + Chủ tịch Công ty: 01 người
 - + Giám đốc Công ty: đã nghị hưu
 - + Kiểm soát viên: 01 người
 - + Phó giám đốc: 02 người
 - + Kế toán trưởng Công ty: 01 người
 - Các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty gồm có:
 - + 05 phòng chuyên môn: (Các phòng sau: Tổ chức Hành chính, Kế hoạch Kỹ thuật, Tài vụ, Quản lý nước và Công trình, Xây dựng Cơ bản);
 - + 10 đơn vị trực tiếp sản xuất: (Xí nghiệp thủy lợi Móng Cầu, Xí nghiệp thủy lợi Tâm Dương, Xí nghiệp thủy lợi Vĩnh Yên, Xí nghiệp thủy lợi Vĩnh Tường, Xí nghiệp thủy lợi Yên Lạc, Xí nghiệp thủy lợi Bình Xuyên, Xí nghiệp Tư vấn Khảo sát thiết kế, Xí nghiệp Xây lắp và Cơ điện, Trạm bơm Bạch Hạc, Trạm bơm Đại Định).
 - Các tổ, cụm trực thuộc các đơn vị: gồm có 63 tổ, cụm

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



3.2. Lao động của Công ty:

- Tổng số lao động của Công ty tính đến 10/3/2021: Tổng số viên chức quản lý chuyên trách và người lao động trong Công ty là: 379 người

(1) Người quản lý doanh nghiệp:

- + Số lượng: 05 người
- + Tỷ lệ so với tổng số lao động: 1,32%

(2) Lao động tại các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty:

- + Số lượng: 374 người
- + Tỷ lệ so với tổng số lao động: 98,68%

- Trình độ chuyên môn công ty:

(1) Đại học và trên Đại học: 189 chiếm tỷ lệ 49,87 %

(2) Trung cấp và Cao đẳng: 83 chiếm tỷ lệ 21,90 %

(3) Công nhân kỹ thuật: 107 chiếm tỷ lệ 28,23 %

Biểu tổng hợp số liệu lao động

Đơn vị tính: Người (%)

STT	Năm	Số lao động	Trình độ		
			Đại học, trên Đại học	Cao đẳng, Trung cấp	Công nhân kỹ thuật
1	2016	417	178	103	136
-	Tỷ lệ (%)		42,69%	24,70%	32,61%
2	2017	419	192	97	130
-	Tỷ lệ (%)		45,82%	23,15%	31,03%
3	2018	432	199	103	130
-	Tỷ lệ (%)		46,06%	23,84%	30,10%
4	2019	413	204	92	117
-	Tỷ lệ (%)		49,39%	22,28%	28,33%
5	31/12/2020	389	194	86	109
-	Tỷ lệ (%)		49,87%	22,11%	28,02%
6	10/3/2021	379	189	83	107
-	Tỷ lệ (%)		49,87%	21,90%	28,23%

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020

1.1. Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra, cụ thể sau:

- Diện tích tưới, tiêu thực hiện hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 giảm so với kế hoạch đã được duyệt. Nguyên nhân: do đòn thửa đổi ruộng; giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích gieo trồng cây thuần nông lợi nhuận ít; diện tích ruộng chán trũng bắp bênh dân bô không gieo trồng; vụ Mùa do ảnh hưởng của mưa bão dân bô nhiều, đặc biệt là cây vụ đông dân bô nhiều không gieo trồng; cắt đất làm dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đầu tư xây dựng xây hầm tầng công trình,...;

- Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính hàng năm giảm, chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: do diện tích hàng năm giảm sâu;

- Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác hàng năm có sự biến động tăng giảm do kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân: Trong 2 năm cuối giai đoạn do Công ty điều chỉnh cơ chế khoán, tạo doanh thu từ nguồn lao động tự thực hiện của đơn vị;

- Chi phí thực hiện hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 tăng so với kế hoạch đã được phê duyệt. Nguyên nhân: do Nhà nước điều chỉnh giá tiền lương tăng, tiền điện tiền xăng dầu tăng, bảo hiểm tăng nên các khoản chi phí đều tăng theo, trong khi mức giá thủy lợi phí không tăng từ năm 2013 đến nay;

- Lợi nhuận hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 tăng so với kế hoạch đã được duyệt. Nguyên nhân: hàng năm doanh nghiệp có giáng có lãi, để đảm bảo theo Luật doanh nghiệp;

- Nộp ngân sách hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 tăng so với kế hoạch đã được phê duyệt hàng năm. Nguyên nhân: Công ty nộp các khoản theo phái nộp quy định của Nhà nước;

- Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 giảm so với kế hoạch đã được duyệt. Nguyên nhân: do mức tiền lương hàng năm Nhà nước điều chỉnh tăng mức lương cơ sở và lương tối thiểu vùng, nhưng doanh thu hàng năm lại giảm, chưa được hỗ trợ của nhà nước.

- Số lao động hàng năm giảm dần. Nguyên nhân: Trong giai đoạn 2016 – 2020 lượng tuyển dụng mới ít; đặc biệt 02 năm cuối của giai đoạn không tuyển mới, mặt khác người lao động nghỉ theo chế độ, một số khác chuyển công tác,..

(có bảng tổng hợp kết quả thực hiện kèm theo)

1.2. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2016-2020

1.2.1. Khó khăn, vướng mắc

Trong giai đoạn 2016 – 2020, công ty gặp khó khăn về thu chi tài chính do diện tích giảm, trong khi giá nhiên liệu dầu vào tăng cao như tiền điện, xăng dầu, lương, bảo hiểm, ... Diện tích phục vụ sản xuất tưới, tiêu ngày một giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng làm các dự án như khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làm hạ tầng công trình kỹ thuật; dân bỏ ruộng không canh tác, đặc biệt là vụ mùa và vụ đông,... trong khi đó mức giá thủy lợi phí đã nhiều năm không được điều chỉnh tăng (mức thủy lợi phí vẫn từ năm 2013 đến nay không thay đổi).

1.2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Hai đơn vị sản xuất kinh doanh ngoài còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm ngoài.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Chưa được Nhà nước điều chỉnh mức giá thủy lợi phí và hỗ trợ bảo trì

+ Công tác tiêu úng còn gặp nhiều khó khăn chưa được đầu tư giải quyết triệt để, nên hiệu quả tưới tiêu còn chưa cao.

+ Những nơi khó khăn về nguồn nước như khu vực vùng bãi Vĩnh Tường, Yên lạc, Móng Cầu, Tam Dương, Bình Xuyê, công tác tưới tiêu gặp rất nhiều khó khăn, đơn vị đã phải dùng máy bơm điện, bơm dầu dã chiến, có nơi phải bơm nhiều chuyền, nhiều cấp, chi phí phục vụ tưới tiêu cao hơn so với định mức do Nhà nước quy định.

+ Hiện tượng xả nước thải chưa qua xử lý vào công trình thủy lợi, người dân đổ rác thải xuống lòng kênh gây ô nhiễm môi trường và gây ách tắc dòng chảy còn xảy ra ở nhiều nơi, chưa có chế tài xử lý vi phạm.

+ Hiện tượng vi phạm Luật thủy lợi: Như lấn chiếm hành lang bờ kênh để vật liệu, trồng cây trên bờ kênh, các dự án thi công qua công trình thủy lợi lấp mất kênh, vỡ cống, sạt lở, vỡ kênh, chính quyền địa phương còn đứng ngoài cuộc.

+ Đầu năm chưa do chưa có nguồn, nên Công ty phải vay ngân hàng nhiều để duy trì hoạt sản xuất như trả tiền lương, tiền điện, tiền dầu, tiền vệ sinh nạo vét kênh mương nội đồng và các hoạt động khác; kết thúc năm kế hoạch thẩm định quyết toán diện tích tưới tiêu còn chậm.

1.3. Hiệu quả hoạt động

- Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: Đảm bảo yêu cầu theo quy định hiện hành

- Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: Đảm bảo yêu cầu theo quy định

- Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Đảm bảo yêu cầu theo quy định

2. Việc quản lý, vận hành hệ thống các công trình thủy lợi được giao

- Về hồ, đập nhỏ gồm 76 hồ và 08 đập: quản lý, vận hành, quan trắc đúng quy trình, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Về kênh mương 4.593 km (bao gồm cả kênh nội đồng): trong đó kênh chính là 90,55km; kênh cấp 2, cấp 3, kênh vượt cấp, kênh xả trạm bơm là 165,12km; kênh tiêu liên xã là 284,441km; còn lại là kênh nội đồng. Kênh kiên cố hóa được duy tu, kiểm tra sửa chữa kịp thời; các cửa khẩu, luồng dẫn, kênh chính được nạo vét đảm bảo phục vụ sản xuất; kênh nhánh, kênh nội đồng được vệ sinh nạo vét trước khi vào vụ.

- Trạm bơm 262 trạm bơm: trong đó có 258 trạm bơm điện cố định và 04 trạm bơm dầu cố định. Các trạm bơm được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa trước mỗi vụ, để phục vụ sản xuất nông nghiệp được tốt nhất.

3. Tình hình thực hiện đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020

- Tổng số vốn đầu tư phát triển thực hiện hàng năm:

Biểu tổng hợp tình hình đầu tư hàng năm

Năm	Nguồn vốn đầu tư công		Nguồn vốn Khác		Tổng cộng vốn đầu tư (Tr.đồng)
	Tổng số dự án thực hiện	Vốn đầu tư (Tr.đ)	Số hạng mục đầu tư	Vốn đầu tư (Tr.đ)	
2016	14	45.228,3			45.228,3
2017	9	32.103,2	3	18.931,2	51.034,5
2018	6	15.101,5	2	11.599,2	26.700,8
2019	4	10.105,7			10.105,7
2020	24	41.657,0			41.657,0
Tổng số	57	144.195,7	5	30.530,5	174.726,2

- Đánh giá hiệu quả về sử dụng vốn đầu tư: Hàng năm công ty được UBND tỉnh Vĩnh Phúc đầu tư xây dựng các công trình ở nơi khó khăn về nguồn nước, công trình cải tạo nâng cấp, công trình xây dựng nông thôn mới; vốn được ghi bao nhiêu, công ty thực hiện hoàn thành theo kế hoạch.

Các công trình được đầu tư đã phát huy hiệu quả: mở rộng diện tích, nguồn nước tưới tiêu được chủ động, diện tích úng, hạn giảm thấp nhất; đã mang lại kết quả tích cực như tăng năng suất cây trồng, tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị cao nhất.

4. Đánh giá chung thuận lợi và khó khăn, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020

4.1. Thuận lợi:

+ Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các sở, ban ngành, địa phương trong tỉnh về công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp và công tác hoạt động của doanh nghiệp;

+ Công ty đã có trên 50 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi với đội ngũ cán bộ công nhân viên dày dạn kinh nghiệm, tâm huyết với nghề;

+ Hệ thống kênh chính, kênh cấp II, kênh cấp III đã được bê tông hóa hiệu quả tưới cao hơn nhiều so với trước đây;

+ Chính sách miễn thủy lợi phí cho người dân được hưởng lợi, tình trạng tồn đọng thủy lợi phí trước đây đã được giải quyết;

+ Công ty thuộc sở hữu nhà nước, nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Bộ máy tổ chức ổn định, Ban lãnh đạo Công ty có tầm nhìn, tâm huyết, có năng lực để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra;

+ Công ty được quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động thông qua hệ thống quản lý chặt chẽ theo quy định của doanh nghiệp nhà nước bảo đảm công ty vận hành theo đúng quy định của pháp luật;

+ Trình độ của cán bộ, công nhân viên ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của công ty; Lương và các chế độ phúc lợi của Công ty tốt, chăm lo tốt đời sống CBNV, tập thể CBNV cùng đoàn kết xây dựng công ty.

+ Công ty đã xác định rõ vị trí, chức năng là phải lãnh đạo các hoạt động của Công ty theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao; trong đó nhiệm vụ chính trị là lãnh đạo phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức vững mạnh, xây dựng đơn vị an toàn, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp mạnh, lãnh đạo các bộ phận chuyên môn, các đoàn thể và cán bộ, công nhân viên xây dựng và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng đáp ứng được với sự phát triển của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn mới.

4.2. Khó khăn:

+ Công tác tiêu úng còn gặp nhiều khó khăn do chưa được đầu tư giải quyết triệt để, nên hiệu quả tưới tiêu còn chưa cao.

+ Những nơi khó khăn về nguồn nước như khu vực vùng bãi Vĩnh Tường, Móng Cầu, Tam Dương, Bình Xuyên, công tác tưới tiêu gặp rất nhiều khó khăn,

đơn vị đã phải dùng máy bơm điện, bơm dầu dã chiến, có nơi phải bơm nhiều chuyên, nhiều cấp, chi phí phục vụ tưới tiêu cao hơn so với định mức do Nhà nước quy định.

+ Hiện tượng xả nước thải chưa qua xử lý vào công trình thủy lợi, người dân đổ rác thải xuống lòng kênh gây ô nhiễm môi trường và gây ách tắc dòng chảy còn xảy ra ở nhiều nơi, chưa có chế tài xử lý vi phạm.

+ Hiện tượng vi phạm Luật thủy lợi: Như lấn chiếm hành lang bờ kênh để vật liệu, trồng cây trên bờ kênh, các dự án thi công qua công trình thủy lợi lấp mất kênh, vỡ cống, sạt lở, vỡ kênh, chính quyền địa phương còn đứng ngoài cuộc.

+ Hai đơn vị sản xuất kinh doanh ngoài còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm ngoài.

4.3. Nguyên nhân:

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Hai đơn vị sản xuất kinh doanh ngoài còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm ngoài.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Chưa được Nhà nước điều chỉnh mức giá thủy lợi phí và hỗ trợ bảo trì;

+ Công tác tiêu úng còn gặp nhiều khó khăn do chưa được đầu tư giải quyết triệt để, nên hiệu quả tưới tiêu còn chưa cao;

+ Việc xả nước thải chưa qua xử lý vào công trình thủy lợi, người dân đổ rác thải xuống lòng kênh gây ô nhiễm môi trường và gây ách tắc dòng chảy còn xảy ra ở nhiều nơi, chưa có chế tài xử lý vi phạm;

+ Hiện tượng vi phạm Luật thủy lợi: Như lấn chiếm hành lang bờ kênh để vật liệu, trồng cây trên bờ kênh, các dự án thi công qua công trình thủy lợi lấp mất kênh, vỡ cống, sạt lở, vỡ kênh, chính quyền địa phương còn đứng ngoài cuộc.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch

- Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khóa XIII
Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về
công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025
đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày
15/3/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;

- Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 05 năm của tỉnh Vĩnh Phúc,
giai đoạn 2021-2025 và trên cơ sở xu thế biến động các diện tích đất đai sản

xuất nông nghiệp, dự báo diện tích tưới tiêu Công ty phục vụ trong giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Kế hoạch số 190/KH-UBND, ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “Thực hiện bàn giao thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”;

- Căn cứ mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi quy định cụ thể và dự báo mức điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của cấp có thẩm quyền trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trong điều kiện thời tiết diễn biến khắc nghiệt, khó lường cùng tác động của nhiều yếu tố khách quan, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và công tác kinh doanh của Công ty. Giai đoạn 2021-2025 Công ty TNHH một thành viên thủy Liễn Sơn tiếp tục thực hiện phục vụ tưới tiêu cho gần 80.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước nông, thôn đô thị trừ nội thị và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản của 7 huyện, thành phố trong tỉnh. Để thực hiện hiệu lực, hiệu quả nhiệm vụ được giao, khắc phục mọi khó khăn thách thức, phát huy kết quả đạt được trong những năm qua, mở rộng sản xuất kinh doanh đảm bảo việc làm và đời sống ổn định của CBCNV-LĐ.

Khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp mà hệ thống Liễn Sơn đang quản lý, vận hành.

Nâng cao năng lực quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy sức mạnh đoàn kết, phục vụ tưới tiêu ngày càng hiệu quả, đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, xây dựng Công ty phát triển bền vững.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025:

+ Tổng diện tích tưới, tiêu:	393.669 ha
+ Tổng doanh thu:	414.702 triệu đồng
+ Tổng chi phí:	411.332 triệu đồng
+ Lợi nhuận:	3.370 triệu đồng
+ Nộp ngân sách:	4.649 triệu đồng
+ Thu nhập bình quân của người lao động: 6,3 triệu đồng/người/tháng	
+ Số lao động:	1.885 người

Tổng diện tích kế hoạch năm 2021: 79.775 ha (lúa, màu, mạ, nuôi trồng thủy sản, tiêu nông thôn, đô thị trừ nội thị); diện tích phục vụ chưa xác định chính xác được vì vụ đông, vụ mùa diện tích bắp bênh, người dân bỏ ruộng nhiều, năm gieo trồng nhiều, năm gieo trồng ít; kế hoạch sử dụng đất của Sở tài nguyên và môi trường về diện tích trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản cắt giảm theo giai đoạn, chưa cụ thể từng năm; các dự án quy hoạch cắt đất đơn

vị chưa có số liệu về cát loại đất nào, nên chưa biết chính xác diện tích cát là bao nhiêu.

b) Định hướng phát triển một số lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Nghành nghề kinh doanh chính: Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản, tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị, cung cấp nước sạch cho dân sinh,...

- Các ngành nghề kinh doanh khác: Tìm kiếm việc làm cho 02 đơn vị sản xuất ngoài, mở rộng khai thác các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh, mở rộng đa ngành nghề.

c) Quản lý, bảo vệ, sửa chữa các công trình thủy lợi.

+ Quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi gồm: Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm luật thủy lợi.

+ Cân đối nguồn vốn để đầu tư sửa chữa công trình, đảm bảo tưới tiêu hiệu quả. Dự kiến nguồn vốn sửa chữa thường xuyên hàng năm của Công ty từ 21% tổng chi phí sản xuất.

3. Kế hoạch triển khai sản xuất kinh doanh

a) Kế hoạch, chỉ tiêu

Biểu kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu của kỳ kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1	Các sản phẩm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	ha	79.775	78.549	78.499	78.449	78.399	393.669
-	Diện tích phục vụ tưới tiêu (lúa, màu, mạ, thủy sản)	ha	55.393	54.167	54.117	54.067	54.017	271.762
-	Diện tích tiêu thoát nước vùng nông thôn và đô thị trừ nội thị	ha	24.381	24.381	24.381	24.381	24.381	121.906
2	Tốc độ tăng doanh thu hàng năm	%	100,00%	90,79%	100,21%	100,23%	100,26%	98,30%
3	Tổng doanh thu hàng năm	Tr.đ	89.301	81.074	81.246	81.436	81.645	414.702
3.1	Thu từ hoạt động ngành nghề kinh doanh chính	Tr.đ	79.301	74.674	74.514	74.354	74.194	377.037

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
-	Thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tr.đ	67.439	67.279	67.119	66.959	66.799	335.595
-	Thu từ ngành nghề kinh doanh tổng hợp khác	Tr.đ	11.862	7.395	7.395	7.395	7.395	41.442
+	Thu cấp nước thô	Tr.đ	2.884	2.884	2.884	2.884	2.884	14.420
+	Thu vớt rác tại lưới chăn rác	Tr.đ	1.536	1.536	1.536	1.536	1.536	7.680
+	Thu hoạt động tài chính	Tr.đ	700	700	700	700	700	3.500
+	Thu quản lý luồng tiêu	Tr.đ	2.275	2.275	2.275	2.275	2.275	11.375
+	Thu TLN+TLNĐ	Tr.đ	4.467					4.467
3.2	Doanh thu từ các ngành nghề kinh doanh khác	Tr.đ	10.000	6.400	6.732	7.082	7.451	37.664
-	Thu TVKSTK	Tr.đ	2.500	2.600	2.704	2.812	2.925	13.541
-	Thu XL&CD+tự thực hiện	Tr.đ	7.500	3.800	4.028	4.270	4.526	24.124
4	Chi phí	Tr.đ	88.681	80.424	80.566	80.736	80.925	411.332
5	Lợi nhuận hàng năm	Tr.đ	620	650	680	700	720	3.370
6	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	920	925	930	934	940	4.649
7	Lương bình quân/tháng	Tr.đ	6,1	6,2	6,3	6,4	6,5	6,30
8	Lao động	Người	379	378	377	376	375	1.885

+ Diện tích giảm so với chiến lược phát triển 10 năm, giai đoạn 2016-2025 là do: diện tích đất bị cắt làm dự án công trình hạ tầng; làm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dân bồi ruộng không gieo trồng vụ mùa và vụ đông;

+ Lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, lương bình quân tháng thực hiện theo chiến lược phát triển 10 năm, giai đoạn 2016-2025;

+ Lao động giảm so với chiến lược phát triển 10 năm, giai đoạn 2016-2025; tuy nhiên cuối giai đoạn 2021-2025 nhận thêm công trình trạm bơm tiêu của dự án chống ngập lụt công nhân chưa tính tăng thêm (khi bàn giao công trình TB tiêu trên và có Quyết định của cấp có thẩm quyền thì bổ sung nhân công quản lý, vận hành theo quy định).

+ Riêng năm 2021: vụ Đông Xuân nhận thuê phục vụ lại 29 xã, phường, thị trấn về TLN+TLNĐ và công trình tự thực hiện, nên diện tích và kinh phí có tăng.

+ Tổng doanh thu: Dự kiến hàng năm giữ ổn định (xây dựng theo kế hoạch đặt hàng).

+ Lợi nhuận: Doanh thu dịch vụ thủy lợi phụ thuộc vào diện tích gieo trồng; doanh nghiệp mới chỉ cân đối thu bằng chi, phần hỗ trợ của Trung ương và địa phương để doanh nghiệp bù đắp các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nên kế hoạch lợi nhuận là ở kinh doanh tổng hợp sản xuất khác. (KDSX khác: mở rộng đa ngành nghề, tìm kiếm việc làm ngoài);

+ Nộp ngân sách: chủ yếu là nộp thuế kinh doanh sản xuất khác, thuế VAT, ...mỗi năm tăng ít.

+ Lương bình quân: Giảm các chi phí tối thiểu, để ổn định thu nhập của cán bộ công nhân viên.

3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Thực hiện trình tự, thủ tục về xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Nhà Nước, đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, ATLĐ và vệ sinh môi trường.

Kế hoạch đầu tư trung công hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách nhà nước là 461,259 tỷ đồng với 87 công trình dự án.

(có bảng chi tiết kèm theo)

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về tài chính

+ Quản lý thu chi đúng mục đích, đúng quy định Nhà nước.

+ Đặc thù doanh nghiệp hoạt động dịch vụ công ích, đầu năm chưa có nguồn thu, kinh phí cấp ứng thủy lợi không đủ cho chi phí hoạt động sản xuất. Để có tiền chi phí trả tiền điện, xăng, dầu vận hành máy bơm, tiền sửa chữa hỏng hóc đột xuất, tiền lương, tiền công cho người lao động, ... Công ty lập kế hoạch vay vốn từ các ngân hàng thương mại, để đảm bảo duy trì cho hoạt động sản xuất.

4.2. Giải pháp về sản xuất kinh doanh

a) Công tác tưới tiêu

+ Xây dựng kế hoạch phương án chống hạn, chống úng ngay từ đầu vụ, đầu năm để đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp;

+ Lập lịch phân phối nước hợp lý với lịch gieo cấy;

+ Bám sát lịch gieo trồng của các địa phương để điều chỉnh lịch tưới tiêu cho phù hợp;

+ Quản lý công trình và nguồn nước tốt đap ứng yêu cầu sản xuất, giảm chi phí tu bổ sửa chữa công trình và chi phí về điện xuống mức thấp nhất;

+ Thường trực 24/24h để theo dõi diễn biến thời tiết, thiên tai; quan trắc mực nước để có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Công tác phòng chống lụt bão

+ Báo cáo hiện trạng công trình trước mỗi mùa mưa bão để có biện pháp xử lý;

+ Chuyển bị máy móc, thiết bị, vật tư để chống lụt bão;

+ Kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các trạm bơm tiêu trước khi vào vụ, để tiêu úng kịp thời khi có mưa lớn xảy ra;

+ Từ Công ty đến cơ sở thành lập ban chỉ đạo phòng chống úng vụ mùa, để ứng phó diễn biến khó lường của thời tiết, chủ động lắp đặt các trạm bơm đã chiết;

c) Về Marketing phát triển thị trường, phát triển một số ngành nghề lĩnh vực kinh doanh khác

- Căn cứ kế hoạch sản xuất của đơn vị, Công ty giao các Xí nghiệp Thủy lợi ký hợp đồng với các địa phương có nhu cầu dùng nước, để có kế hoạch phục vụ tưới tiêu;

- Mở rộng đa ngành nghề kinh doanh đảm bảo ổn định đời sống CBCNV.

- Hai đơn vị làm ngoài năng động tìm kiếm nhiều việc ngoài để tăng thu nhập cho người lao động.

d) Đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất

+ Từng bước áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý khai thác, quy trình vận hành trạm bơm, hò đập, đo mực nước, lưu lượng, nhu cầu dùng nước của cây trồng để đảm bảo phát huy hiệu quả trong sản xuất;

+ Đưa các mô hình tiên tiến, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, để tăng năng suất lao động.

4.3. Giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy; thu hút, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch bố trí sắp xếp tổ chức dây chuyền sản xuất phù hợp với sản xuất kinh doanh; kế hoạch về trang bị bảo hộ lao động ATLĐ, công tác hành chính;

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chính trị, chuyên môn cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, CBCNV-LĐ;

- Thu hút những người có tài, có đức, tâm huyết với nghề để cống hiến cho đơn vị;

- Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên người lao động có tay nghề cao, có ý thức tổ chức kỷ luật;

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường cho người lao động để đảm bảo an toàn trong phục vụ sản xuất.

4.4. Giải pháp về phối hợp thực hiện hiệu quả các ngành kinh doanh chính và các ngành nghề kinh doanh khác

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan đặt hàng, các sở ngành, các cấp chính quyền địa phương, phòng nông nghiệp, kinh tế của các huyện, thành, thị để có biện pháp chống hạn, chống úng; trước mỗi vụ công ty sẽ sửa chữa, bảo dưỡng

móc thiết bị máy, sửa chữa công trình hư hỏng xuống cấp, nạo vét kênh mương thông thoáng đảm bảo yêu cầu cho sản xuất nông nghiệp,...;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc; các công trình được tu bổ, sửa chữa, các hư hỏng đột xuất được phát hiện sửa chữa kịp thời đảm bảo công trình vận hành tưới tiêu an toàn hiệu quả;

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động, tuyên truyền bà con nông dân lấy nước vào ruộng khi có lịch điều nước, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm công trình thủy lợi cũng như hành lang bảo vệ công trình thủy lợi;

- Các đơn vị chuyên môn và các xí nghiệp thủy lợi trực thuộc công ty phối hợp xây dựng kế hoạch phục vụ diện tích tưới tiêu; kế hoạch sửa chữa công trình; kế hoạch sử dụng điện, dầu, vật tư thiết bị; kế hoạch điều hành tưới tiêu, quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, an toàn hồ đập; công tác thường trực chống hạn, chống úng, đảm bảo tưới tiêu hợp lý, hiệu quả;

- Các đơn vị kinh doanh tổng hợp khác phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư để tìm kiếm việc làm; năng động sáng tạo tìm cơ hội việc làm cho đơn vị, đảm bảo đời sống ổn định cho người lao động.

4.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư

a) Công tác xây dựng cơ bản

+ Kiểm tra, rà soát các công trình quy hoạch, kế hoạch về mục tiêu dự án, tính khả thi của giải pháp kỹ thuật, tính kinh tế-kỹ thuật, hiệu lực hiệu quả của dự án mang lại;

+ Kiểm tra, giám sát từ khâu chuẩn bị đầu tư, đến thực hiện dự án và bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

b) Công tác quản lý, sửa chữa công trình

+ Thường xuyên kiểm tra theo dõi công trình, phát hiện hư hỏng để xử lý kịp thời;

+ Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm Luật thủy lợi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các Chính quyền các cấp

- Đề nghị UBND huyện, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn gieo trồng đúng khung thời vụ;

- Đề nghị UBND các xã, phường, thị trấn xử lý nghiêm các hiện tượng vi phạm Luật thủy lợi;

- Đề nghị UBND các xã, phường, thị trấn có chế tài xử lý, xử phạt hành chính với các trường hợp vi phạm: xả rác thải, xác động vật xuống công trình

thủy lợi, gây ô nhiễm môi trường và gây ách tắc dòng chảy; vi phạm lấn chiếm công trình thủy lợi kênh tưới, kênh tiêu, ...;

- UBND cấp xã phối chặt chẽ với Công ty, để tuyên truyền người dân lấy nước vào ruộng theo lịch phân phối nước mà công ty lập, tránh lãng phí nước, hoặc hết lịch nước lại phản nàn.

2. Các đơn vị trong công ty:

2.1. Các phòng chuyên môn giúp việc:

- Phòng Kế hoạch Kỹ thuật tham mưu giúp việc cho Công ty về công tác xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch phục vụ diện tích tưới tiêu sản xuất nông nghiệp, kế hoạch sửa chữa công trình, kế hoạch sử dụng điện, dầu mỡ, vật tư thiết bị trong sản xuất và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị được Công ty giao theo nhiệm vụ;

- Phòng Quản lý nước và Công trình tham mưu giúp việc cho Công ty về công tác điều hành tưới tiêu, quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi, an toàn hồ đập; công tác KCS, kiểm tra giám sát; công tác thường trực chống hạn, chống úng, đảm bảo tưới tiêu hợp lý, hiệu quả, công trình được an toàn;

- Phòng Tổ chức Hành Chính tham mưu giúp việc cho Công ty về công tác kế hoạch bố trí sắp xếp tổ chức dây chuyền sản xuất phù hợp với sản xuất kinh doanh, kế hoạch về trang bị bảo hộ lao động, công tác hành chính theo nhiệm vụ giao;

- Phòng Tài Vụ tham mưu giúp việc cho Công ty về công tác kế hoạch cấp hổ trợ tiền sản phẩm dịch vụ thủy lợi, kế hoạch vốn để duy trì hoạt động sản xuất, kế hoạch thu chi và thanh quyết toán theo đúng quy định của Nhà nước;

- Phòng Xây dựng Cơ bản tham mưu giúp việc cho Công ty về công tác xây dựng cơ bản theo đúng quy định của nhà Nước, đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, ATLĐ và vệ sinh môi trường.

2.2. Các Xí nghiệp Thủy lợi:

- Lập kế hoạch dùng nước thuộc phạm vi quản lý của Xí nghiệp Thủy lợi;

- Đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý diện tích phục vụ tưới tiêu với cơ sở dùng nước;

- Quản lý và bảo vệ công trình thuộc phạm vi quản lý, phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương; tuyên truyền, vận động mọi người không vi phạm Luật thủy lợi, không xả rác thải, nước thải chưa qua xử lý vào công trình thủy lợi;

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng công trình thủy lợi đảm bảo an toàn khi vận hành.

2.3. Trạm bơm điện đầu mối Bạch Hạc và Đại Định:

- Vận hành trạm bơm theo yêu cầu của Công ty, theo dõi mức nước hàng ngày;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo công trình vận hành an toàn.

2.4. Hoạt động sản xuất tổng hợp kinh doanh khác:

- Hợp đồng cung cấp bán nước thô cho sinh hoạt;
- Mở rộng đa ngành nghề như tư vấn giám sát, buôn bán vật liệu xây dựng và thu khác;

- Xí nghiệp tư vấn khảo sát thiết kế: Khảo sát thiết kế, lập dự toán các công trình trong hệ thống được Công ty duyệt theo tiến độ; năng động tìm kiếm việc làm ngoài để tăng thu nhập cho người lao động;

- Xí nghiệp Xây lắp và Cơ điện: Trực tiếp tham gia xử lý các sự cố hỏng hóc máy móc thiết bị, sửa chữa, cải tạo, nạo vét kênh mương các công trình trong hệ thống được Công ty phê duyệt, năng động tìm kiếm việc làm ngoài đảm bảo ổn định đời sống của người lao động;

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liễn Sơn.

Công ty trân trọng báo cáo sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt./. QL

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lưu: VT, KH.



Lê Đình Đăng





Bảng tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh

(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-TLLS ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liên Sơn)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch UBND tỉnh					Kết quả thực hiện					Tăng/giảm so với kế hoạch %				
			2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020 (ước)	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng diện tích tưới, tiêu	ha	63.815,27	63.670,80	80.699,21	76.892,45	79.577,77	59.777,99	57.961,16	80.699,21	76.285,84	77.198,42	93,67	91,03	100,00	99,21	97,01
2	Tổng doanh thu	Trđ	111.692,1	108.588,4	100.988,9	101.026,5	106.844,2	110.066,3	104.487,5	104.559,7	106.973,0	107.271,3	98,54	96,22	103,54	105,89	100,40
-	Chi tiết doanh thu từ hoạt động các ngành kinh doanh chính																
+	Thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Trđ	100.649,6	100.445,9	92.288,9	89.576,0	92.176,9	96.181,3	94.262,6	92.358,0	89.623,5	87.860,3	95,56	93,84	100,07	100,05	95,32
+	Hoạt động kinh doanh 2																
-	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	Trđ	11.042,5	8.142,5	8.700,0	11.450,5	14.667,3	13.884,9	10.224,9	12.201,8	17.349,5	19.411,0	125,74	125,57	140,25	151,52	132,34
+	Thu kinh doanh tổng hợp	Trđ	6.800,0	6.000,0	6.500,0	8.000,0	10.000,0	6.631,1	4.440,5	3.630,2	8.170,5	9.915,9					
+	Thu kinh doanh khác	Trđ	4.242,5	2.142,5	2.200,0	3.450,5	4.667,3	7.253,8	5.784,5	8.571,6	9.179,0	9.495,1					
3	Tổng chi phí	Trđ	103.433,8	108.588,4	100.988,9	101.026,5	106.844,2	101.941,0	99.043,8	104.357,4	104.569,7	106.131,5	98,56	91,21	103,34	103,51	99,33
4	Lợi nhuận	Trđ	1.508,0	-	-	-	-	1.495,8	1.007,6	202,4	2.403,2	1.139,8	99,19				
5	Nộp ngân sách	Trđ	408,0	243,0	269,0	211,1	332,5	994,5	717,1	814,7	1.047,6	1.034,4	243,74	295,10	302,88	496,37	311,07
6	Thu nhập bình quân đầu người	Trđ/người/tháng	6,57	6,70	6,34	7,55	8,28	6,12	6,32	6,11	6,14	6,54	93,06	94,37	96,46	81,30	79,00
7	Số lao động BQ	Người	410	430	431	417	417	406	411	422	414	395	99,02	95,58	97,91	99,28	94,72

- Năm 2016: Quyết định số 3699/QĐ-CT ngày 23/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc Phê duyệt giá đặt hàng quản lý, khai thác các công trình thủy lợi năm 2016
- Năm 2017: Quyết định 2872/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Phê duyệt kế hoạch đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2017
- Năm 2018: Quyết định 3362/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2017, Quyết định số 465/QĐ-SNN&PTNT ngày 03/10/2019 Đính chính Quyết định 443/QĐ-SNN&PTNT ngày 20/9/2019 của Sở NN&PTNT tỉnh Vĩnh Phúc v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung giá hợp đồng đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2018 (điều chỉnh theo Quyết định số 10)
- Năm 2019: Quyết định 3083/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019. Kết quả thực hiện đang trình CCTL ký nghiệm thu
- Năm 2020: Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/1/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Phê duyệt kế hoạch đặt hàng dịch vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020. Đặt hàng năm 2020 chưa thẩm định diện tích sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI LIỀN SƠN
(Kèm theo Kế hoạch số: 284/KH-TLLS ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liên Sơn)

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
*	Tổng cộng giai đoạn 2021 - 2025					461.259,00	
I	Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư					50.659,00	
(1)	Đầu tư trong năm 2021					50.659,00	
1	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh 6A đoạn đi qua khu vực dân cư thuộc địa phận xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường, đoạn từ K2+668-K3+414(H), K4+920-K5+477(H) và K2+668-K5+468(T)	xã Yên Lập	Cải tạo nâng cấp MBK với tổng chiều dài 3.903 m	2020-2022	3101/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	10.434,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
2	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả Ngạn đoạn qua địa phận xã Đồng Văn và xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường	xã Đồng Văn và xã Đại Đồng	Bê tông hóa MBK với tổng chiều dài 2.662,2m	2020-2022	3100/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	9.234,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
3	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả Ngạn Liên Sơn đoạn qua địa phận xã Bình Dương (K26+852-K28+00(T)) và Vũ Di K28+00-K28+390(T); (K28+977-K29+666(H)), huyện Vĩnh Tường	xã Bình Dương và xã Vũ Di	Bê tông hóa MBK với tổng chiều dài 2.254m	2020-2022	3103/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	6.652,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
4	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh 6A đoạn đi qua khu vực dân cư thuộc địa phận xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường đoạn từ K1+614 - K2+134(T) và các dốc lên kênh	xã Nghĩa Hưng	Bê tông hóa MBK và mặt dốc với tổng chiều dài 593,5m; vượt các dốc và giàn cát ngoài một số vị trí	2020-2022	3102/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	2.831,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
5	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả ngạn Liên Sơn đoạn từ thôn Nội Điện đến thôn Yên Thượng, xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Xã An Hòa, huyện Tam Dương	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính tả ngạn Liên Sơn từ K4+863 đến K5+693 với chiều dài L=830m	2020-2022	3094/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	2.814,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
6	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả ngạn đoạn qua địa phận xã Yên Phương và xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc	xã Yên Phương và xã Nguyệt Đức	Cải tạo nâng cấp MBK với tổng chiều dài 4.012,68 m	2020-2022	3093/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	9.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
7	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh 7A - Sau Làng, xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường	xã X Nghĩa Hưng	Cải tạo tuyến kênh dài 1.248m và bê tông hóa MBK với tổng chiều dài 1.150m	2020-2022	3099/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	4.714,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

M.S.Q.N.25
MC
★ TR:VII

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
8	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh N3 đoạn đi qua địa phận xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương	xã Hoàng Lâu	Bê tông hóa MBK với tổng chiều dài 1800m	2020-2022	3264/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	4.480,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
(2)	<i>Đầu tư trong giai đoạn 2022-2025</i>					0,00	
	Không					0,00	
II	Dự án đã được phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư					43.800,00	
(1)	<i>Đầu tư trong năm 2021</i>					<i>43.800,00</i>	
1	Hạ ngầm kênh 7A đoạn đi qua địa phận khu dân cư xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường	Xã Nghĩa Hưng	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tưới xã Nghĩa Hưng tổng chiều dài 2000m (1,2x1,2m)	2021-2023	3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	14.900,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
2	Kiên cố hóa mặt bờ kênh 11	huyện Bình Xuyên, Yên Lạc	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh dài 2500m	2021-2023	3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	8.600,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Địch, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên	Xã Đạo Đức	Xây mới bể hút, bể xả, máy bơm; Cải tạo luồng dẫn; Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính hữu từ K0+00 - K1+800; Kênh chính tả K0+00 - K0+580 và tuyến kênh Gia Con (L = 400m).	2021-2023	3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
4	Cải tạo nâng cấp trạm bơm và kiên cố hóa hệ thống kênh tưới trạm bơm Ngọc Hà, xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch	Xã Thái Hòa	Xây nhà quản lý, Thay máy bơm, cải tạo tuyến kênh dẫn, kênh xả, tuyến kênh tâ, tuyến kênh hưu; cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Quán (thuộc hệ thống tưới trạm bơm Ngọc Hà)	2021-2023	3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	9.800,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Lý, thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên	Thị trấn Thanh Lãng	Xây nhà trạm bơm, bể hút, bể xả, máy bơm; kênh dẫn, kênh xả	2021-2023	3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Hóc, xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên	xã Tân Phong	Xây nhà trạm bơm, bể hút, bể xả, máy bơm; Cải tạo, nạo vét luồng dẫn vào bể hút; Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính.	2021-2023	3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
(2)	<i>Đầu tư trong giai đoạn 2022-2025</i>					0,00	
III	Dự án dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 (chưa phê duyệt nhiệm vụ CBĐT)					366.800,00	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cầu Đèn 1, xã Tè Lõ, huyện Yên Lạc	xã Tè Lõ	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm Cầu Đèn 1,bê hút, bê xà, máy bơm; cải tạo, nạo vét luồng dẫn dài 300m; kenh xã K0+00 - K0+020	2021-2023		4.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
2	Kiên cố hóa mặt bờ kênh 12	H. Bình Xuyên	Đỗ bê tông mặt bờ kênh L= 2800m	2021-2023		8.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Ruộng Trũng, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường	xã Vĩnh Sơn	Xây mới nhà quản lý, nhà trạm bơm, bê hút, bê xà, thay máy bơm; Hệ thống đường dây điện, Cải tạo, nâng cấp kenh dẫn.	2021-2024		4.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
4	Sửa chữa sạt trượt kenh chính tá ngạn đoạn từ K0+00 - K14+00	H.Tam Dương	Sửa chữa 14000m kenh	2021-2023		13.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cầu Rụp, xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc	xã Yên Đồng	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, bê hút, bê xà, máy bơm; Đường điện, cải tạo luồng dẫn, tuyến kenh chính	2021-2023		3.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
6	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Tây Trại, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên	xã Đạo Đức	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, bê hút, bê xà, máy bơm; Cải tạo, nạo vét luồng dẫn vào bê hút; Cai tạo, nâng cấp tuyến kenh chính L = 1730m.	2021-2023		5.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
7	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kenh N5	Xã Yên Bình	Cai tạo mặt bờ kenh với tổng chiều dài 2,5km	2021-2023		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
8	Cải tạo, nâng cấp TB Cầu Tó,xã Đồng Tịnh, huyện Tam Dương	xã Đồng Tịnh	Xây mới nhà trạm bơm,bê hút, bê xà, làm cầu máng, thay máy bơm	2021-2023		2.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
9	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đống Cao, xã Văn Tiễn, huyện Yên Lạc	xã Văn Tiễn	Xây nhà trạm bơm, nhà quản lý, bê hút, bê xà, máy bơm; cải tạo tuyến kenh chính dài 600m	2021-2023		3.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
10	Cải tạo nâng cấp Trạm bơm Phúc Cầm xã Văn Tiễn, huyện Yên Lạc	Xã Văn Tiễn	Cải tạo nâng cấp trạm bơm (1tổ máy 1000m3/h,nhà quản lý,nhà máy,bê hút,bê xà); kenh tá từ K0+00- K0+780.	2021-2023		3.900,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
11	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đầu Cầu, TT Thô Tang, huyện Vĩnh Tường	TT Thô Tang	Cải tạo nhà trạm bơm, bê hút, bê xà, máy bơm; Hệ thống đường dây điện	2022-2024		1.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
12	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đàm Cà, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên	TT Hương Canh	Cải tạo nhà trạm bơm, bể hút, bể xả thay thế các bộ máy bơm	2022-2024		12.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
13	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh Duyên Lâm	Huyện Tam Dương	Cải tạo mặt bờ kênh với tổng chiều dài 1,5 km	2022-2024		5.000,00	
14	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm điện Quán Lạch xã Phú Đa, huyện Vĩnh Tường	Xã Phú Đa	Cải tạo nhà trạm bơm, thay máy bơm, bể hút, bể xả	2022-2024		2.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
15	Cải tạo nâng cấp Trạm bơm Đàm Xung	Xã Liên Châu	Nạo vét luồng dẫn; xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, nâng cấp 1 bộ máy 1000 m ³ /h, bể hút, bể xả; kênh chính trạm bơm từ K0+00-K0+250	2022-2024		2.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
16	Cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Đồng Cương	Xã Đồng Cương	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm; kênh tả đoạn từ K0 - K0+770; Đường vào trạm bơm	2022-2024		5.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
17	Cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Trung Cầm	Xã Đại Tự	Sửa chữa nhà trạm bơm, Nạo vét bể hút+ ao chứa; Cai tạo, nâng cấp Van + ống xả; công đầu kênh và kênh Trung Cầm từ K0+00-K0+250; kênh chính trạm bơm từ K0+00- K0+200 và K1+00- K1+230.	2022-2024		4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
18	Cải tạo nâng cấp Trạm bơm Lũng Ha	Xã Liên Châu	Cải tạo nâng cấp nhà máy, nhà quản lý; 04 van 1 chiều; cải tạo sửa chữa cầu máng và tiêu năng hụ lưu cầu máng;kênh N1 từ K0+00- K0+370, K1+700-K3+00; kênh N2 từ K1+200-K1+800	2022-2024		5.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
19	Cải tạo mặt bờ kênh chính hữu ngạn địa phận thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch	TT. Hoa Sơn	Bê tông hóa mặt bờ kênh với tổng chiều dài 3km	2022-2024		8.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
20	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Âm Hòn II xã An Hòa	Xã An Hòa	Xây nhà quản lý trạm bơm; nhà trạm bơm, thay mới bộ bơm; xây cầu máng qua kênh	2022-2024		2.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
21	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cầu Mùi xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên	Xã Thanh Trù	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bể xả, bể hút	2022-2024		1.700,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
22	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xóm Trám xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên	Xã Định Trung	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bể xả, bể hút	2022-2024		2.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
23	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh cấp 3 Tân Cương	Xã Tân Chính	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K3+800 - K4+500(T+H); K3+650 - K4+730(H)	2022-2024		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
24	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Kênh Cụt; Núi Di xã Hoàng Đan	Xã Hoàng Đan	Xây nhà quản lý trạm bơm, nhà trạm bơm, bể xả; bể hút, thay mới tò bơm	2022-2024		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
25	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh Thủ ích	Xã Hồng Liên	Cải tạo nâng cấp mặt bờ hữu kênh Thủ ích từ K0+00-K1+200.	2022-2024		4.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
26	Cải tạo nâng cấp hồ Chàm Vàng xã Liên Hòa huyện Lập Thạch	Xã Liên Hòa	Cải tạo nâng cấp công dumper + Mái đập + bờ đập + nhà điều hành + kênh tưới dài 500m	2022-2024		4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
27	Cải tạo nâng cấp mặt kên trạm bơm Lũng Hạ.	Hồng phương	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh N1 từ K1+700- K3+265; Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh N2 từ K0+00- K1+800.	2022-2024		7.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
28	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh Phương Trù	Xã Yên Phương	Cải tạo nâng cấp mặt bờ tả kênh Phương Trù từ K0+00-K1+200.	2022-2024		4.200,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
29	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh N9	Xã Bình Dương Xã Vĩnh Sơn	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+00 - K0+850(T+H) Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+850 - K1+485(H); K1+585 - K1+927(H); K0+850 - K1+004(T); K1+329 - K1+400(T);	2022-2024		6.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
30	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh Hạ Chuέ	Xã Yên Lập	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+400 - K1+600(T,H)	2022-2024		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
31	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh chính trạm bơm Liễu Trì	Xã Vĩnh Thịnh	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+300 - K1+300(T); K1+370 - K2+246(T, H);	2022-2024		9.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
32	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh KCHN qua địa phận xã Thái Hòa huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc	Xã Thái Hòa	Bê tông mặt bờ kênh dài 1192m, rộng 3m	2022-2024		4.200,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
33	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh KCHN qua địa phận xã Triệu Đè huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc	Xã Triệu Đè	Bê tông mặt bờ kênh dài 1000m, rộng 3m	2022-2024		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
34	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh KCHN qua địa phận xã Liên Hòa, xã Bàn Giản huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc	Xã Bàn Giản, xã Liên Hòa	Bê tông mặt bờ kênh dài 2500m, rộng 3m	2022-2024		7.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

210.0
 CÔNG TY
 THUỶ LỢI VIỆT
 SƠN
 VĨNH PHÚC

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
35	Cải tạo Nâng cấp mặt bờ kênh 2A	Huyện Tam Dương	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+00 đến K2+326(H) và từ K0+00 đến K0+492(T), L=2818m	2022-2024		7.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
36	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh Đạo Tú	Huyện Tam Dương	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K1+340 đến K2+691(H), L=1351m	2022-2024		4.800,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
37	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh KCHN qua địa phận xã Đồng Ích huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc	xã Đồng Ích	Bê tông mặt bờ kênh dài 3000m, rộng 3m	2022-2024		8.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
38	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh N4	Huyện Tam Dương	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+00 đến K0+500(T, H), L=1000m	2022-2024		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
39	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh dẫn trạm bơm Bình Hòa	Huyện Tam Dương	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+156 đến K1+00(T), L=844m	2022-2024		2.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
40	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh N3	Huyện Tam Dương	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K0+348 đến K2+520((H), L=2172m	2023-2025		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
41	Cải tạo nâng cấp các tuyến kênh TT Hoa Sơn huyện Lập Thạch	TT Hoa Sơn	Kênh xã TB Cầu Đen L=800m; Kênh TB Dốc Chùa đi đồng Cây Sôp L=1400m; Kênh TB Xích Thô L=300m;	2023-2025		4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
42	Cải tạo luồng tiêu N1 Bến Tre, huyện Tam Dương	H.Tam Dương	Cải tạo luồng tiêu dài 9000m	2023-2025		12.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
43	Cải tạo luồng tiêu Nghĩa Hưng - Tân Tiến - Đại Đồng - Bình Dương - Sông Phan	Huyện Vĩnh Tường	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu: 9160m	2023-2025		13.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
44	Cải tạo luồng tiêu Lý Nhân - Tuân Chính - Tam Phúc - Thượng Trung	Huyện Vĩnh Tường	Nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 3.990m	2023-2025		5.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
45	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu liên xã Vĩnh Thịnh - An Tường	Huyện Vĩnh Tường	Nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 1480m	2023-2025		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
46	Cải tạo luồng tiêu Yên Bình - Kim Xá	Huyện Vĩnh Tường	Nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 2206m	2023-2025		4.800,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
47	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Yên Bình - Chấn Hưng - Sông Phan	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 2000m	2023-2025		4.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
48	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tân Phú - Thượng Trung - TT Vĩnh Tường - Vũ Di - Sông Phan	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 8924m	2023-2025		12.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
49	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Đàm Rung - Tứ Trung - Tam Phúc - TT Vĩnh Tường - Sông Phan	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 5690m	2023-2025		10.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
50	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Bồ Sao - Lũng Hòa - Cao Đại (T2)	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 3160m	2023-2025		5.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
51	Cải tạo, nạo vét sông Phan địa phận huyện Tam Dương	H.Tam Dương	Cải tạo sông Phan dài 4500m	2023-2025		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
52	Cải tạo luồng tiêu Thồ Tang - Tân Tiến	Huyện Vĩnh Tường	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu: 2450m	2023-2025		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
53	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tân Phú - Cao Đại - Lũng Hòa	Huyện Vĩnh Tường	Nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 2365m	2023-2025		4.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
54	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Đồng Sập Đội 3 Cao Đại - Bồ Sao - Lũng Hòa	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 850m	2023-2025		2.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
55	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tuân Chính - Tam Phúc	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 1000m	2023-2025		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
56	Cải tạo, nạo vét luồng tiêu liên xã Nghĩa Hưng Đồng Dầm(Dòng Văn)- Sông Phan	Xã Đồng Văn	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dài 2500m	2023-2025		6.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
57	Cải tạo trực tiêu Cầu Rong	xã Liễn Sơn, xã Liên Hòa	Cải tạo luồng tiêu dài 7600m	2023-2025		12.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
58	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Bến Linh	Huyện Tam Dương	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm; Sửa chữa công đầu kênh; Cứng hóa kênh dẫn dài L=150m. Thay mới tò bơm	2023-2025		1.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
59	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cây Xoan phường Đồng Tâm	Phường Đồng Tâm	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bê xá, bê hút	2023-2025		2.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
60	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Chân Voi xã Thanh Trù	Xã Thanh Trù	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bê xá, bê hút	2023-2025		1.700,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
61	Cải tạo nâng cấp Trạm bơm Minh Tân	TT Yên Lạc	Cải tạo nâng cấp trạm bơm (3 tò máy 1000m3/h,nhà quản lý,nhà máy,bê hút,bê xá)	2023-2025		4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
62	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Đông Lỗ	Xã Trung Nguyên	Cải tạo nâng cấp trạm bơm (2 tò máy 1000m3/h,nhà quản lý,nhà máy,bê hút,bê xá)	2023-2025		2.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
63	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Man Đề	Xã Tam Hồng	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Man Đề (1 tò máy 1000m3/h,nhà quản lý,nhà máy,bê hút,bê xá) và kênh tưới trạm bơm từ K0+00-K0+100.	2023-2025		1.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
64	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Cây Dua xã Đồng Ích huyện Lập Thạch	Xã Đồng Ích	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm + Bê hút, bê xá, kênh xá dài L=1000m	2023-2025		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
65	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Cây Gai xã Bàn Giản, huyện Lập Thạch	Xã Bàn Giản	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm + Bê hút, bê xá, nạo vét ao chứa, kênh xá dài L=735m	2023-2025		3.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
66	Sửa chữa sạt trượt KCHN từ K0+00 - K18+00	huyện Lập Thạch	Sửa chữa mái kênh bị bục, vỡ	2023-2025		5.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
67	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Sáu Vó xã Tân Phong	Xã Tân Phong	Sửa chữa nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bê xá, bê hút	2023-2025		4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
68	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quai Vạc xã Đạo Đức	Xã Đạo Đức	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bê xá, bê hút	2023-2025		2.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
69	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Gò Vua xã Quất Lưu	Xã Quất Lưu	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bê xá, bê hút, kênh dẫn 500m	2023-2025		3.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
70	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Năng xã Thanh Trù	Xã Thanh Trù	Xây nhà quản lý, nhà trạm bơm, thay máy bơm, bê xá, bê hút	2023-2025		1.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
71	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh trạm bơm Trung Cẩm	Huyện Yên Lạc	Đỗ bê tông mặt bờ kênh từ K1+00 đến K3+100, L=2100m	2023-2025		7.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
72	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Thổ Tang - Tân Phú-Lũng Hòa	Huyện Vĩnh Tường	nạo vét, cải tạo, nâng cấp luồng tiêu: 1100m	2023-2025		3.500,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
73	Cải tạo, nạo vét luồng tiêu từ đồng Yên Tâm qua đầm Nai đến Cầu Trè	Xã Tam Hồng	Nạo vét luồng tiêu từ đồng Yên Tâm qua đầm Nai đến Cầu Trè L = 2000m	2023-2025		4.000,00	Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn
IV	Dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của cấp huyện nhưng đã có chủ trương sử dụng vốn NS tỉnh						
	Không						